

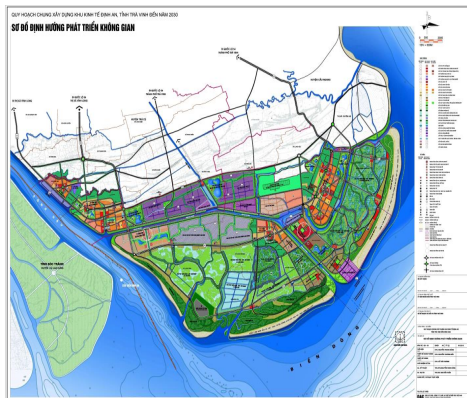
UBND TỈNH TRÀ VINH TRÀ VINH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẦU CỔ CHIÊN QUỐC LỘ 60, TỈNH TRÀ VINH - BẾN TRE

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH



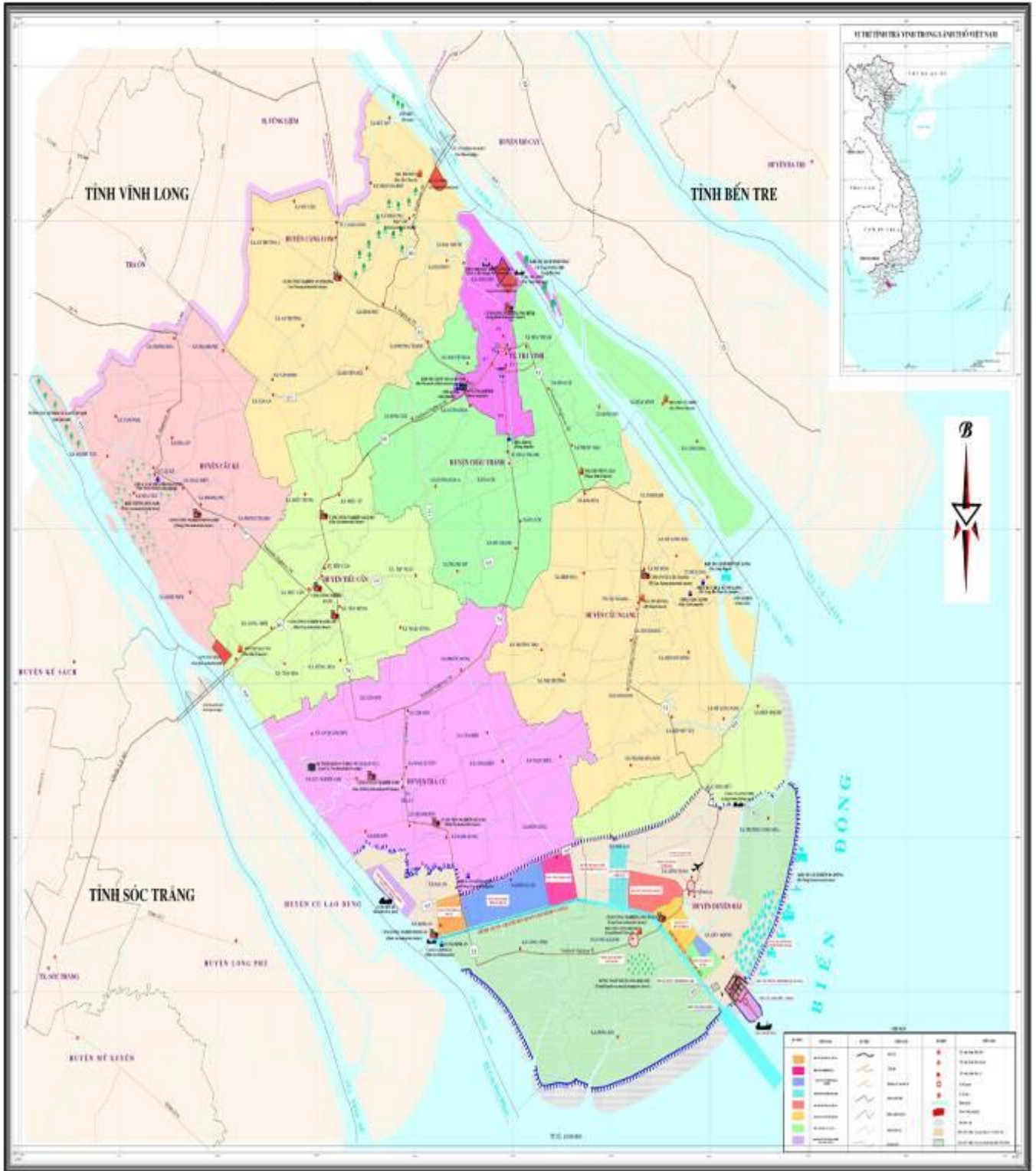
- CHỦ ĐẦU TƯ: BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI.
- TỔNG MỨC ĐẦU TƯ: 4.675 TỶ ĐỒNG, TRONG ĐÓ GPMB TỈNH TRÀ VINH 109 TỶ ĐỒNG.
- NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ VỐN DOANH NGHIỆP BOT.
- CHIỀU DÀI TOÀN DỰ ÁN: 15,76Km, PHẠM VI TỈNH TRÀ VINH 5,26Km TRONG ĐÓ CẦU CHÍNH 1,6 Km.
- BỀ RỘNG MẶT CẮT NGANG CẦU: 16m.
- PHẠM VI GPMB: 20,5m + TALUY RA MỖI BÊN (THAY ĐỔI THEO ĐỊA HÌNH) + KHOẢNG CÁCH TỪ CHÂN TALUY RA MỖI BÊN 2m ĐỐI VỚI ĐƯỜNG VÀ 7m ĐỐI VỚI CẦU.



Vị trí tỉnh Trà Vinh trên bản đồ Việt Nam



BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TRÀ VINH



TRÀ VINH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

TỔNG QUAN VỀ TRÀ VINH

1. Vị trí địa lý

- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp tỉnh Vĩnh Long;
- Phía Nam giáp tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre.
- Diện tích tự nhiên: 2.341 km², được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu với 02 cửa Cung Hầu và Định An, có 65 km bờ biển nên giao thông đường thủy có điều kiện phát triển.



- Đơn vị hành chính: có 01 thành phố và 07 huyện trực thuộc là thành phố Trà Vinh, các huyện Càng Long, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang và Duyên Hải.



- Thời tiết, khí hậu: Trà Vinh nằm trong vùng nhiệt đới có khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 26 – 27⁰C, độ ẩm trung bình 83 - 85%/năm, lượng mưa trung bình 1.500 mm, ít bị ảnh hưởng bởi bão, lũ và rất thuận lợi cho đầu tư, sản xuất kinh doanh.

2. Tài nguyên thiên nhiên

- Diện tích đất: Tỉnh có 234.115 ha. Trong đó, đất nông nghiệp: 185.868 ha, đất lâm nghiệp: 6.745 ha, đất chuyên dùng: 12.880 ha, đất ở nông thôn: 3.845 ha, đất ở thành thị: 566 ha, đất chưa sử dụng: 900 ha, trong đó có đất cát giồng chiếm 6,62%.

+ Diện tích rừng là 6.745 ha, nằm dọc bờ biển tại các huyện: Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú với các loại cây như: bần, đước, mắm, dừa nước, chà là,... đất bãi bồi: 1.138 ha.

+ Diện tích đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản khoảng 51.600 ha (diện tích nuôi tôm sú 29.000 ha).



- Khoáng sản:

Khoáng sản chủ yếu là những loại cát dùng trong công nghiệp và xây dựng, gồm:

+ Cát sông: có khả năng khai thác khoảng 60.000m³/năm

+ Đất sét gạch ngói: được Phân viện nghiên cứu địa chất công nhận là đạt yêu cầu dùng trong xây dựng, phục vụ cho công nghiệp chế biến vật liệu xây dựng. Trữ lượng: khoảng 45,6 triệu m³

+ Mỏ nước khoáng: đạt tiêu chuẩn khoáng cấp quốc gia với nhiệt độ: 38,5⁰C, khả năng khai thác khoảng 2.400 m³/ngày tại xã Long Toàn, huyện Duyên Hải.



3. Dân số và lao động

- Dân số khoảng 1,1 triệu người với 03 dân tộc chính: Kinh, Khmer, Hoa, trong đó dân tộc Khmer chiếm khoảng 30% dân số.

- Lao động trong độ tuổi trên 70%, trong đó có 34% đã qua đào tạo sẽ là nguồn cung cấp lao động tốt cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, nhất là các ngành có nhu cầu sử dụng nhiều lao động.

* Mạng lưới đào tạo:

Tỉnh có Trường Đại học Trà Vinh, Trường Cao đẳng y tế, Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, Trường Trung cấp nghề, Trung tâm công nghệ thông tin quốc tế NIIT, Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ và 08 trung tâm dạy nghề, 02 trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng





ngành, 04 trung tâm giáo dục thường xuyên, trên 40 trường trung học phổ thông.



KẾT CẤU HẠ TẦNG

1. Giao thông đường bộ

- Toàn tỉnh có 03 Quốc lộ chính là 53, 54 và 60 hiện nay đang được nâng cấp lên cấp 3 đồng bằng nối Trà Vinh với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Từ Trà Vinh đi thành phố Hồ Chí Minh theo Quốc lộ 60 qua đường cao tốc Trung Lương dài 130 km

- Từ Trà Vinh đi thành phố Hồ Chí Minh theo Quốc lộ 53 qua Quốc lộ 1A dài 200 km

- Từ Trà Vinh đi thành phố Cần Thơ theo Quốc lộ 53 qua Quốc lộ 1A dài 100 km



2. Giao thông đường thủy

- Trà Vinh hiện tại có 02 cửa biển chính: Cửa Cung Hầu (sông Tiền) và cửa Định An (sông Hậu) nối liền các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh cho phép tàu 5.000 tấn cập cảng Cần Thơ và cảng Sài Gòn để thông thương với quốc tế.

- Năm 2013 thông ***Luồng cho tàu biển có tải trọng 20.000 tấn với tải vào sông Hậu*** cùng với các cảng Trà Vinh, cảng Trà Cú...là giao thông thủy huyết mạch cả khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.



3. Lưới điện

100% xã phường, thị trấn được phủ lưới điện quốc gia, đang khởi công xây dựng đường dây và trạm 220 KV thứ hai (Vĩnh Long – Trà Vinh) để đưa điện nguồn về tỉnh nhằm nâng cao chất lượng điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt.

Trung tâm điện lực Duyên Hải được khởi công xây dựng với công suất 4.400 MW, dự kiến đến năm 2014 đưa tổ máy số 1 với công suất 1.200 MW vào hoạt động.



4. Cấp nước

Nhà máy nước tại thành phố Trà Vinh có công suất cấp nước 18.000m³/ngày đêm; dự kiến nâng cấp mở rộng công suất 50.000m³/ngày đêm. Ngoài ra tại các thị trấn, khu dân cư đều có trạm cấp nước công cộng, hệ thống ống dẫn nước mới. Đang dự kiến đầu tư thêm một nhà máy nước có công suất 18.000 m³/ngày đêm tại huyện Duyên Hải.



5. Bru chính viễn thông

Hệ thống thông tin liên lạc của tỉnh đã được hiện đại hóa, phủ sóng đều khắp trong tỉnh, cả nước và trên thế giới, mọi thông tin liên lạc từ các nơi đều được phục vụ theo nhu cầu của khách hàng với những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông như: Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnammobile,...



* Ngân hàng - Bảo hiểm

Trà Vinh có đầy đủ chi nhánh của các ngân hàng thương mại lớn trên cả nước với nhiều dịch vụ hiện đại phục vụ giao dịch, thanh toán, chuyển tiền, gửi tiền, cho vay tín dụng, cho thuê tài chính theo thông lệ quốc tế đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

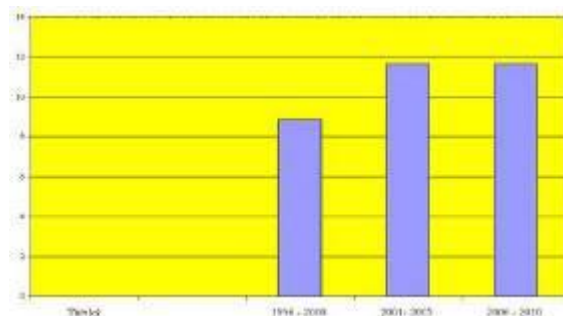
Nhiều công ty bảo hiểm lớn của Việt Nam với nhiều hình thức bảo hiểm tương đối đa dạng, uy tín, đáp ứng tốt yêu cầu bảo hiểm của doanh nghiệp và khách hàng như: Bảo Việt Trà Vinh; Bảo Minh Trà Vinh; Bảo hiểm PJICO; Bảo hiểm Bru Điện; Bảo hiểm Quân Đội...



KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Mức tăng trưởng kinh tế thời kỳ 1996 - 2000 đạt 8,87%; thời kỳ 2001- 2005 đạt 11,64%; thời kỳ 2006 - 2010 đạt 11,64%. Dự báo thời kỳ 2010 – 2015 đạt 14%.



2. Cơ cấu kinh tế

2.1 Nông nghiệp - thủy sản

Nông nghiệp

Tốc độ tăng trưởng hàng năm ngành nông nghiệp: 2%

+ Lúa: Diện tích: 90.000 ha. Sản lượng hàng năm: 1,15 triệu tấn, trong đó lúa cao sản 50.000 ha, sản lượng 360.000 tấn.



+ Cây dừa: Diện tích: 14.500 ha, có trên 03 triệu cây với sản lượng 130 triệu trái là nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến như: Tơ xơ dừa, mùn dừa, than hoạt tính, than gáo dừa, cơm dừa nạo sấy, phân vi sinh, phẩm xơ dừa,...



+ Cây mía: Diện tích khoảng 6.500 ha. Năng suất 100 tấn/ha tập trung tại các vùng Trà Cú, Tiểu Cần.



+ Cây đậu phộng: Diện tích: 4.500 ha. Sản lượng hàng năm: 19.200 tấn, tập trung tại các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải.



+ Cây bắp: Diện tích: 5.700 ha. Sản lượng hàng năm: 28.000 tấn, tập trung tại các huyện Trà Cú, Cầu Ngang.

- Cây ăn quả: Diện tích: 19.200 ha. Sản lượng hàng năm: 198.000 tấn. Gồm các loại: xoài Châu Nghệ, bưởi năm roi, cam, quýt đường Nhị Long, nhãn, chôm chôm, sầu riêng, măng cụt Tân Quy,...



- Chăn nuôi: Đàn heo: 420.000 con/năm, trên 95% là giống heo lai kinh tế, đàn bò: 160.000 con/năm, đàn trâu: 2.000 con, đàn dê: 8.000 con, đàn gia cầm: 5.300.000 con.



Thủy sản

Tốc độ tăng trưởng hàng năm ngành thủy sản: 12%

- Tổng diện tích nuôi trồng: 51.600 ha (diện tích nuôi tôm sú 29.000 ha), sản lượng thủy sản đạt: 163.600 tấn. Trong đó: khai thác hải sản: 60.000 tấn, khai thác nội đồng: 14.900 tấn; nuôi trồng thủy sản: 88.400 tấn (trong đó tôm sú: 23.500 tấn, tôm càng xanh và tôm thẻ chân trắng: 1.000 tấn), cá da trơn: 19.800 tấn/năm, cua: 8.700 tấn/năm, nghêu: 1.800 tấn/năm...



- Vùng ven biển: trữ lượng: 1,2 triệu tấn, khả năng khai thác: 630.000 tấn/năm

2.2. Về công nghiệp

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 15%

- Các ngành công nghiệp chủ lực: Công nghệ cao (hóa chất cơ bản, dược phẩm, mỹ phẩm, điện tử...) và các ngành công nghiệp khác như chế biến nông thủy hải sản, chế biến dừa, mía đường, hạt điều, thức ăn chăn nuôi, giày da, may mặc.

- Các làng nghề, hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ: dệt chiếu, đan lát, sản phẩm quà lưu niệm,...



2.3. Thương mại - dịch vụ

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 20%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng năm tăng bình quân 14%.

Trên địa bàn tỉnh có trên 1.000 doanh nghiệp và hộ kinh doanh hoạt động trên lĩnh vực thương mại với khoảng trên 3.000 cửa hàng đại lý bán lẻ. Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, siêu thị và trung tâm thương mại đến năm 2020. Các hệ thống siêu thị bán lẻ như COOP MART, VINATEX đã triển khai dự án đầu tư và hoạt động rất hiệu quả tại tỉnh.



- Kim ngạch xuất khẩu: Tăng bình quân hàng năm trên 26,42% gồm một số mặt hàng chủ yếu: gạo tăng 38,97%, sản phẩm từ dừa tăng 15%, thủy sản đông lạnh tăng 25,20%. Các thị trường xuất khẩu chính: Châu Á: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Hồng Kông. Châu Âu: Thụy Sĩ, Hà Lan, Pháp, Thụy Điển. Các vùng khác: Mỹ, Úc, New-zealand, Nam Phi, Argentina, Ả Rập.

VĂN HÓA – DU LỊCH

Trà Vinh có hơn 140 ngôi chùa Khmer, hàng năm cứ vào dịp 14 - 15 tháng 10 âm lịch thì tại Trà Vinh lại tung bừng với lễ hội Cúng Trăng mà đồng bào Khmer còn gọi là Lễ hội Ok-Om-Bok, đây là một trong những lễ hội quan trọng nhất, là dịp để người dân đồng bào Khmer nơi đây có thể cùng vui chơi giải trí với nhiều loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao truyền thống mang bản sắc văn hoá cộng đồng điển hình như đua ghe Ngo dọc theo tuyến sông Long Bình thành phố Trà Vinh.



Một số lễ hội mang đậm nét văn hóa tại tỉnh Trà Vinh: Lễ hội nghinh Ông, Lễ hội cúng Trăng (còn gọi là lễ Ok Om Bok), Vu Lan thắng hội,...



CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGOÀI KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP

I. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thời hạn ưu đãi (năm)	Mức thuế suất	Phạm vi và đối tượng áp dụng
15	10%	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư: - Tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú - Thuộc các lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng - Sản xuất sản phẩm phần mềm.
30	10%	Doanh nghiệp thành lập mới từ các dự án đầu tư thuộc các ngành nghề, lĩnh vực như trên nhưng có quy mô lớn, công nghệ cao hoặc

		mới.
Suốt thời gian hoạt động	10%	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường (gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa).
10	20%	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè
Hết thời hạn ưu đãi	25%	

b. Miễn thuế, giảm thuế

Miễn thuế (năm)	Giảm		Phạm vi và đối tượng áp dụng
	Mức giảm	Thời hạn (năm)	
4	50%	09	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư: - Tại địa bàn các huyện: Châu Thành, Trà Cú - Thuộc các lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng - Sản xuất sản phẩm phần mềm - Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn các huyện: Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè.
4	50%	05	Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá thực hiện tại địa bàn các huyện: Duyên Hải, Càng Long và thành phố Trà Vinh
2	50%	04	Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn các huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè

2. Miễn thuế xuất - nhập khẩu

- Dự án thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo phụ lục I và phụ lục II tại Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006.

- Hàng hóa nhập khẩu để tái tạo tài sản cố định

- Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được

- Nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

II. ƯU ĐÃI VỀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Ưu đãi về đất

1. Miễn tiền thuê đất

Miễn tiền Thuê đất (năm)	Đối tượng và phạm vi áp dụng	Căn cứ pháp lý
15	- Dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại huyện Châu Thành, Trà Cú. - Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư được đầu tư huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè.	
11	- Dự án đầu tư tại địa bàn huyện Châu Thành, Trà Cú - Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư - Dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư được đầu tư tại huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè	
7	Dự án đầu tư tại huyện Cầu Ngang, Tiểu Cần, Cầu Kè	
3	Dự án thuộc danh mục lĩnh vực khuyến khích đầu tư, tại cơ sở sản xuất kinh doanh mới của tổ chức kinh tế thực hiện di dời theo quy hoạch, di dời do ô nhiễm môi trường.	

2. Đơn giá thuê đất

Mức tính (Tính trên giá đất)	Phạm vi áp dụng
3%	Đất trên địa bàn các phường của thành phố Trà Vinh
1,5%	Đất trên địa bàn thị trấn các huyện, xã Long Đức
1%	Đất trên địa bàn các xã còn lại trong tỉnh

3. Tiền thuê đất đối với trường hợp trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê

Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì số tiền thuê đất phải nộp một lần để được sử dụng đất trong trường hợp này được tính bằng với số tiền sử dụng đất phải nộp như trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất có cùng mục đích sử dụng đất và cùng thời hạn sử dụng đất.

4. Đền bù giải phóng mặt bằng

<i>a. Nhà đầu tư tự chọn địa điểm thuê đất hoặc xin giao đất phù hợp quy hoạch được duyệt</i>	
Ủy ban nhân dân các cấp	Nhà đầu tư
- Chủ trương cho thực hiện dự án - Hỗ trợ xác định chi phí đền bù, tái định cư và tổ chức giải phóng mặt bằng	Trả toàn bộ chi phí đền bù, hỗ trợ tái định cư (đối với nhà đầu tư có 100% vốn đầu tư nước ngoài tiền giải tỏa bồi hoàn được trừ vào tiền thuê đất)

b. Nhà đầu tư tự thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với chủ sử dụng đất	
* Trường hợp không thuộc diện Nhà nước thu hồi	
Ủy ban nhân dân các cấp	Nhà đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương cho thực hiện dự án - Cung cấp các văn bản về chính sách, pháp luật, các hồ sơ về thửa đất có liên quan đến việc thỏa thuận. - Chủ trì việc tiến hành thỏa thuận giữa nhà đầu tư và người sử dụng đất. - Chỉ đạo việc thực hiện các thủ tục về chuyển nhượng, thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất 	Lập văn bản đề nghị

III. ƯU ĐÃI KHÁC

1. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ

Mức hỗ trợ (tối đa)	Phạm vi áp dụng
30%	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới thuộc những ngành nghề tinh ưu tiên khuyến khích. - Đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh. Sau khi dự án kết thúc 24 tháng, thu hồi 50% mức kinh phí đã hỗ trợ. - Tư vấn áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất (ISO 9000, ISO 14000, HACCP, GMP, TQM, SA).
40%	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tư vấn, lệ phí đăng ký bảo hộ lần đầu các đối tượng sở hữu công nghiệp trong phạm vi 10 nước thành viên chỉ định theo thỏa ước quốc tế Madrid.
70%	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí tư vấn, lệ phí đăng ký bảo hộ lần đầu các đối tượng sở hữu công nghiệp (nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp) khi đăng ký trong nước. - Chi phí tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức các hoạt động sở hữu trí tuệ; khai thác các thông tin sở hữu trí tuệ (khi có kế hoạch đăng ký với cơ quan chuyên môn ở địa phương).

2. Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động

Dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề trong danh mục ưu đãi đầu tư, hoặc dự án sử dụng thường xuyên từ 500 lao động trở lên, nếu có nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động, nhà đầu tư xây dựng chương trình đào tạo sẽ được Nhà nước xem xét hỗ trợ 01 lần đối với từng trường hợp cụ thể: Đào tạo nghề cho lao động địa phương tại trường dạy nghề (cơ sở dạy nghề) có thời gian đào tạo từ 03 tháng trở lên, mức hỗ trợ là 300.000



đồng/người; thời gian đào tạo dưới 03 tháng, mức hỗ trợ là 100.000 đồng/người. Mức hỗ trợ trên không quá 100.000.000 đồng/dự án.

3. Chính sách hỗ trợ phí đăng ký thành lập doanh nghiệp

Nhà đầu tư	Quy mô dự án	Mức hỗ trợ
Nhà đầu tư nước ngoài	1 triệu USD trở xuống	100%
	Trên 1 triệu USD đến 5 triệu USD	70%
	Trên 5 triệu USD đến 10 triệu USD	50%
	Trên 10 triệu USD	30%
Nhà đầu tư trong nước	10 tỷ đồng trở xuống	100%
	Trên 10 tỷ đồng đến 15 tỷ đồng	70%
	Trên 15 tỷ đồng	50%

ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP



Áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư

I. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thời hạn ưu đãi (năm)	Mức thuế suất	Phạm vi và đối tượng áp dụng
15	10%	Khu kinh tế Định An
30	10%	Dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản xuất phần mềm, đầu tư phát triển công trình cơ sở hạ tầng do Thủ tướng chính phủ quyết định có quy mô lớn, công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư
Suốt thời gian hoạt động	10%	Các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa, dự án đầu tư vào ngành nghề thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu phi thuế quan, lĩnh vực công nghệ cao, dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của khu vực sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận
10	20%	Khu công nghiệp Cầu Quan
Hết thời hạn ưu đãi	25%	

b. Miễn thuế, giảm thuế

Miễn thuế (năm)	Giảm		Phạm vi và đối tượng áp dụng
	Mức giảm	Thời hạn (năm)	
04	50%	09	Khu kinh tế Định An
02	50%	04	Khu công nghiệp Cầu Quan

2. Thuế thu nhập cá nhân

Được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong năm và quyết toán số được giảm khi hết năm đối với nhà đầu tư trong Khu kinh tế Định An.

3. Thuế nhập khẩu

Các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Định An, Khu công nghiệp Cầu Quan, Khu công nghiệp Cổ Chiên được miễn thuế nhập khẩu:

- Hàng hóa nhập khẩu để tái tạo tài sản cố định
- Vật tư xây dựng trong nước chưa sản xuất được
- Nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

4. Về đất

a. Khu kinh tế Định An

- Được miễn tiền thuê đất 15 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.
- Được miễn tiền thuê đất 11 năm đối với dự án đầu tư còn lại.

b. Khu công nghiệp Cầu Quan

- Được miễn tiền thuê đất 15 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.
- Được miễn tiền thuê đất 11 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

c. Khu công nghiệp Cổ Chiên

Được miễn tiền thuê đất 11 năm đối với dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

LĨNH VỰC ƯU TIÊN MỜI GỌI ĐẦU TƯ

1. Dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp
2. Phát triển công nghiệp, chế biến thủy sản, nông sản, thực phẩm
3. Công nghệ cao: linh kiện điện tử, máy tính,...
4. Vận tải tàu biển, sản xuất phụ tùng ô tô,...
5. Các dự án phát triển hạ tầng kinh tế xã hội
6. Các khu thương mại, siêu thị, chợ ...
7. Các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí
8. Các dự án sản xuất hàng hóa sản phẩm xuất khẩu
9. Các lĩnh vực xã hội hóa (giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường)

GIỚI THIỆU KHU KINH TẾ ĐỊNH AN TỈNH TRÀ VINH



Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An tỉnh Trà Vinh tại Quyết Định số: 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 với tổng diện tích 39.020 ha (giai đoạn I là 15.403 ha) bao gồm các khu chức năng chính:

1. Khu phi thuế quan: diện tích 501ha

Khu phi thuế quan được định hướng phát triển độc lập, không có dân cư, ngăn cách với bên ngoài bởi hàng rào cứng, thuận lợi cho việc kiểm soát hải quan và hoạt động điều hành khác. Các phân khu chức năng trong đó được dự kiến bố trí gồm: khu quản lý điều hành, thương mại, dịch vụ, sản xuất, giải trí, kho bãi và các chức năng phục vụ phụ trợ khác...

2. Các khu công nghiệp và kho tàng

Tổng diện tích đất phát triển công nghiệp trên 3.156,3ha, gồm 03 khu công nghiệp: Định An 591ha, Đông Xuân – Đôn Châu 934ha, Ngũ Lạc 396ha và 02 khu dịch vụ, phụ trợ : khu dịch vụ công nghiệp 305ha, Khu kho ngoại quan (logistic) 101ha. Các khu này đang kêu gọi đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng. Riêng Trung tâm điện lực Duyên Hải diện tích 289ha đang được thực hiện.

Định hướng phát triển công nghiệp hóa dầu, luyện cán thép, công nghiệp tàu thủy, công nghiệp sử dụng nhiều điện năng, cơ khí lắp ráp; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp và các sản phẩm bê tông đúc sẵn, gạch tuynel; chế biến lương thực - thực phẩm, đồ uống, chế biến thủy hải sản; công nghiệp dệt nhuộm và tương tự khác; các loại công nghiệp khác như: sản xuất, gia công thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học, lĩnh vực vật liệu xây dựng mới.

3. Các khu du lịch, dịch vụ, giải trí

Tổng diện tích đất phát triển du lịch, dịch vụ, giải trí khoảng 4.305,2 ha. Gồm khu du lịch biển Ba Động với diện tích khoảng 1.614 ha với chiều dài bờ biển khoảng 12,3 km dự kiến gồm khu bãi tắm, khu dịch vụ du lịch (nhà nghỉ, khách sạn,...), các khu cây xanh sinh thái,...; các khu dịch vụ, giải trí như: khu dịch vụ giải trí hồ nước ngọt và các khu dịch vụ với chức năng giải trí theo ý tưởng mở dành cho các nhà đầu tư quyết định.

4. Khu hành chính và hạ tầng xã hội tập trung của Khu kinh tế

Tổng diện tích là 400 ha. Đây là khu dự kiến bố trí các công trình cơ quan hành chính của Khu kinh tế, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, các trung tâm chuyên ngành xã hội như: văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao và các công trình hạ tầng xã hội khác phục vụ cho sinh hoạt cộng đồng của toàn Khu kinh tế.

5. Khu đô thị và điểm dân cư nông thôn

Tổng diện tích đất phát triển khu đô thị và điểm dân cư khoảng 8.180,7 ha, được hình thành trên cơ sở kết hợp với việc kế thừa và nâng cấp các đô thị cũ sẵn có và tổ chức các đô thị mới. Gồm các khu đô thị: Thị xã Duyên Hải được nâng cấp, đô thị Định An & khu đô thị dịch vụ cảng Trà Cú, thị trấn Long Thành, Long Vĩnh và các điểm dân cư nông thôn.

ĐỊA CHỈ CẦN THIẾT TẠI TRÀ VINH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: 52A Lê Lợi, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3855892 Fax: (84.74) 3855895

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Địa chỉ: 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3862289 Fax: (84.74) 864348

SỞ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: 02 Lý Tự Trọng, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3866100 Fax: (84.74) 3852854

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Địa chỉ: 20A Lê Lợi, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3840304 Fax: (84.74) 3840072

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Địa chỉ: 07 Phan Châu Trinh, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3862426 Fax: (84.74) 3866835

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TRÀ VINH

Địa chỉ: 999A Hùng Vương, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (84.74) 3746681 Fax: (84.74) 3746686

Mọi chi tiết về các dự án kêu gọi đầu tư, vui lòng liên hệ:

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

Địa chỉ: 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (84.74) 3753839/ 3753849

Email: xuctiendautuv@gmail.com

TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP LÀ CƠ QUAN ĐẦU MỐI THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG

1. Lĩnh vực xúc tiến đầu tư

- Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị chuyên đề giới thiệu môi trường đầu tư của tỉnh
- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư và làm cầu nối giữa các nhà đầu tư với lãnh đạo tỉnh
- Đàm phán trực tiếp với các đối tác về các dự án ưu tiên thu hút đầu tư

2. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp

- Tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng các kỹ năng trong kinh doanh cho doanh nghiệp
- Làm đầu mối tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh
- Tham mưu xây dựng các chương trình phát triển doanh nghiệp, tham mưu xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp...

3. Lĩnh vực tư vấn đầu tư và tư vấn doanh nghiệp

- Tư vấn chính sách pháp luật về đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tư vấn chọn lựa hình thức đầu tư, phương thức đầu tư
- Tư vấn thủ tục hành chính phục vụ cho hoạt động đầu tư
- Tư vấn thủ tục về thành lập, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp, quản lý doanh nghiệp, các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.